

TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI BÂU Ở LÀNG ĐẮK MẾ, XÃ PỜ Y, HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM¹

TS. Trần Thị Hồng Yến
Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam
Email: tranchucyen@yahoo.com

Tóm tắt: Nghiên cứu về tín ngưỡng của một tộc người rất quan trọng trong việc cung cấp sự hiểu biết sâu sắc về niềm tin, quan niệm, hành vi, lối sống, nếp sống của các thành viên và cộng đồng. Tín ngưỡng của người Brâu là tín ngưỡng vạn vật hữu linh, nhưng mang đậm bản sắc của các tộc người vùng cao nguyên, được biểu hiện thông qua các nghi lễ, lễ hội, hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, các nghiên cứu về tín ngưỡng của người Brâu cho đến nay chưa có những ấn phẩm chuyên sâu mà chỉ là những mảnh ghép nhỏ trong bức tranh về tộc người này. Bài viết góp phần làm sáng tỏ hơn hệ thống tín ngưỡng của người Brâu, trong đó nổi bật là vũ trụ luận ba tầng, hệ thống thần/ma và một số nghi lễ quan trọng trong đời sống của cộng đồng này.

Từ khóa: Tín ngưỡng, dân tộc Brâu, tỉnh Kon Tum.

Abstract: Research on the beliefs of an ethnic group is critical for providing a deep understanding of the faith, perspectives, behaviour, lifestyle, and way of living of its members and the community. The Brau people's belief system is animist, but it is also imbued with the identity of ethnic groups in the highlands, expressed through rituals, festivals, production activities, and daily life. However, studies on the beliefs of the Brau people have not yet resulted in any in-depth publications; they are only small pieces of research on this ethnic group. This article contributes to clarifying the belief system of the Brau people, highlighting the three-layer cosmology, the god/ghost system, and some essential rituals in the life of this community.

Keywords: Belief, Brau ethnic group, Kon Tum province.

Ngày nhận bài: 7/5/2024; ngày gửi phản biện: 13/5/2024; ngày duyệt đăng: 19/8/2024.

Mở đầu

Dân tộc Brâu là một trong 14 dân tộc thiểu số (DTTS) rất ít người ở Việt Nam hiện nay, với 558 người cư trú tập trung tại làng Đắc Mế, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ (2023-2024): “Biến đổi văn hóa tộc người Brâu ở vùng biên giới tỉnh Kon Tum hiện nay”, do TS. Nguyễn Thị Tám làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Tum (UBND xã Pờ Y, 2023, tr. 2). Người Brâu thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, có mối quan hệ chặt chẽ với đồng tộc ở Lào và Campuchia. Đời sống tín ngưỡng của người Brâu mang đậm bản sắc của một tộc người gắn bó với vùng cao nguyên huyền bí. Khảo cứu những tài liệu liên quan cho thấy, chủ đề về tín ngưỡng của người Brâu còn ít xuất hiện trong các công trình đã công bố. Các nghiên cứu của Ironside and Baird (2003), Baird (2008; 2009) về người Brâu ở Lào và Campuchia mới chỉ đề cập đến một số nghi lễ trong lĩnh vực nông nghiệp, các không gian cấm kỵ trong sinh hoạt và sản xuất. Còn ở Việt Nam, những phân viết về tín ngưỡng của người Brâu chủ yếu nhắc đến: lễ tía lúa, lễ mừng lúa mới vào kho và một vài nghi lễ trong chu kỳ đời người, với nội dung còn khá sơ lược (Viện Dân tộc học, 1978, tái bản năm 2014); Nguyễn Thị Ngân và Tô Thị Thu Trang, 2009; Bùi Ngọc Quang, 2017). Nhìn chung, nội dung về tín ngưỡng của người Brâu trong những ấn phẩm đã công bố chỉ là những mảnh ghép nhỏ trong bức tranh lớn về tộc người này. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa tại làng Đắc Mế, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum vào tháng 8/2023, bài viết góp phần làm sáng tỏ hơn hệ thống tín ngưỡng truyền thống của người Brâu, trong đó có thế giới quan, hệ thống thần/ma và một số nghi lễ quan trọng trong đời sống của cộng đồng.

1. Thế giới quan và hệ thống thần/ma của người Brâu

- Vũ trụ luận ba tầng của người Brâu

Trong thế giới quan của người Brâu, vũ trụ được hình thành bởi ba tầng: (1) Trên cùng là tầng trời, được chia làm hai phần, phần trên là nơi ở của giống người khổng lồ nhất *Haambung* (khi trưởng thành nặng đến vài tấn), tiếng nói như sấm đánh. Phần trời dưới là giống người *Haambing* (khi trưởng thành nặng đến vài tạ); (2) Ở giữa là mặt đất nơi ở của con người, các loài động - thực vật; (3) Dưới lòng đất là thế giới của người tí hon, gồm có giống người *Kđoodinh* (khi sinh ra bằng nắm tay, trưởng thành thì bằng đứa bé 2 - 3 tuổi của cõ người) và dưới cùng là *Kđoodaa* (khi trưởng thành chỉ bằng con nhái, giọng nói của họ chỉ vo vi nhỏ như tiếng côn trùng). Con người sinh sống ở ba tầng này đều có hình dáng giống nhau chỉ khác về kích thước. Thuở xưa, các thế giới này đều có thể thông với nhau, các giống người có thể qua lại, nhưng những biến cố đã xảy ra, từ đó các tầng vũ trụ bị chia tách vĩnh viễn.

Những truyện kể của người Brâu như: *Sự tích cõ người và thế giới lòng đất chia cắt*, *Sự tích cõ người và cõ trời chia cắt* mà những người Brâu am hiểu lịch sử tộc người đã chia sẻ cho thấy cách người Brâu tư duy về không gian, về vũ trụ theo trục thẳng đứng, thông nhau, chia làm ba tầng bậc khá mạch lạc. Trong đó, ở các tầng trời hay lòng đất lại tiếp tục phân chia thành các “thế giới” khác nhau, do các giống người khác nhau làm chủ. Đồng thời, chúng tôi cũng thu thập được một số tư liệu về văn hóa của người Brâu qua hệ thống truyện kể về Thao Pratii rất phong phú, giúp hình dung về một vũ trụ ba tầng khá rõ nét trong văn hóa Brâu nhưng “*Phải có thời gian với nhiều đêm mới kể hết được*” (Phòng văn T.L., sinh năm 1961, già làng Brâu, làng Đắc Mế).

- Hệ thống thần/ma

Thuyết vật linh, đa thần là một trong những nền tảng cơ bản của văn hóa Đông Nam Á, do đó đây cũng là đặc điểm nổi trội của văn hóa Brâu. Người ta dễ dàng tìm thấy trong tín ngưỡng tộc người này rất nhiều các vị thần/ma gắn với đủ loại sự vật thế giới:

+ *Các vị thần/ma trong thiên nhiên*: theo quan niệm của người Brâu, cộng đồng làng bản và mỗi con người đều bị chi phối bởi các vị thần: thần Trời (*A Răk Kre*)², thần Nước (*A Răk Đac*), thần Núi (*A răk Voi*), thần Đèo (*Pôi Pum*)³, thần Đất (*Pibre*), thần Mưa (*Kre Mur*), thần Gió (*Kà jru*),... Người Brâu cho rằng, những vị thần này thường về với dân làng trong những ngày diễn ra nghi lễ, lễ hội. Đồng thời trong tự nhiên cũng có rất nhiều loại ma như: ma bên nước, ma hòn đá, ma rừng,... Các loài ma này thường hay làm hại con người.

+ *Thần, ma trong nhà*: ma ông bà cố, anh chị em ruột..., sống quanh quẩn ở trong nhà, phù hộ cho con cháu. Tuy nhiên, nếu không được đối xử tốt, ma sẽ làm những người trong gia đình bị ốm. Người ốm do ma nhà làm thường có biểu hiện nôn ra máu. Khi đó chủ nhà phải làm lễ cúng ma nhà, người ốm mới khỏi.

+ *Ma ngoài đường (Kết Briêng)*: ma quỷ gây dịch bệnh, ma này do người chết bất đắc kỳ tử, chết do trúng gió, thất cổ tự tử... biến thành. Người bị loại ma này làm hại phải cúng ma mới khỏi.

+ *Ma nghĩa địa (Mường kdoọc)*: là con ma của người chết biến thành, sống ở ngoài nghĩa địa. Người bị loại ma này làm ốm phải ra tận mồ của người chết để cúng.

+ *Thần/ma của các đồ vật*: *Đá chiin riều* - là một loại đá thiêng có sức mạnh ma thuật đáng kể bậc nhất của người Brâu, được sử dụng bởi các thầy bói, thầy cúng. Thực chất *đá chiin riều* là các công cụ lao động bằng đá của những cư dân cổ đại thời đồ đá ở Tây Nguyên được người Brâu thần bí hóa. Đúng như J.Dournes nói: “họ cấp cho các công cụ đá ấy những sức mạnh thần bí” (Jacques Dournes, Nguyễn Ngọc dịch, 2018). Với người Brâu, đây là hòn đá quý giá rất thiêng và có linh hồn, có khả năng quy tụ được các vị thần. Theo quan niệm của người Brâu, để có được *đá chiin riều* là hoàn toàn ngẫu nhiên, do trời ban chứ người dù muốn cũng không được, nếu ai bắt gặp hòn đá này thì sẽ nhận được may mắn. Người Brâu ở Đắk Mế không biết gì về nguồn gốc công cụ bằng đá nguyên thủy của *chiin riều*. Đối với họ, đó là đá thiêng vì nó xuất thân thần bí lại được “ăn máu” trong các lễ cúng lúa, ăn trâu. Nó có sức mạnh phòng vệ và tấn công, vì thế nó là vũ khí bí mật. Ở làng Đắk Mế hiện nay có hai thầy bói còn giữ được *đá chiin riều*, do cha đẻ của họ truyền lại. Muốn sử dụng được đá này bắt buộc phải học thuật bói toán mới giúp họ nhìn thấy điềm báo của *chiin riều*. Các thầy bói người Brâu cho biết, *đá chiin riều* luôn biết cách gửi điềm báo đến chủ nhân để tránh các tai họa, hoặc chính nó giúp chủ nhân tránh tai họa trong thời chiến tranh hoặc những khi đi săn,...

² A Răk Kre theo cách gọi của người Kinh là thần Pa Xây.

³ Trong tiếng Brâu, “Pôi” là đèo, Pôi Pum là đèo Pum, đèo cao nhất ở huyện Ngọc Hồi.

+ *Thần chiêng Tha*: chiêng Tha là báu vật của người Brâu. Họ quan niệm chiêng Tha do *A Rắc Kre* ban tặng, có thần ngự ở bên trong nên rất thiêng (gọi là *Har dzu*), được coi như thành viên của gia đình. Trong các dịp lễ hội, thực hành nghi lễ, cho người lạ xem, mua/bán chiêng..., chủ nhân phải làm cúng “mời Tha ăn, mời Tha uống” (ăn máu con vật dâng cúng và uống rượu ghè). Người Brâu vừa kính trọng thần của chiêng Tha⁴, vừa lo sợ nếu xảy ra sai sót sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe. Đặc biệt trẻ con yếu bóng vía đi ngang qua sẽ bị *Har dzu* làm cho chúng quấy khóc, đau ốm, phải làm cúng mới khỏi.

+ *Thần/ma trú ngụ trong các loài vật*: Với người Brâu, con gà có vị trí vô cùng quan trọng, nhất là gà trống, nó tượng trưng cho linh hồn con người. Nếu buôn làng có ít người, người ta bắt gà nhốt vào trong lồng và tin rằng sẽ có nhiều người nơi khác đến lấy vợ, lấy chồng Brâu, buôn làng sẽ đông đúc. Đặc biệt, cách bố trí làng theo mô hình nhà sàn ở xung quanh, ôm chặt lấy nhà rông ở giữa, tượng trưng cho cái lồng gà, với ý nghĩa kinh tế của làng ngày càng phát triển, con người sinh sôi nảy nở. Gà là vật dâng cúng không thể thiếu trong tất cả các nghi lễ cúng thần, ma của người Brâu. Con gà còn có khả năng kêu gọi các vị thần linh về phù hộ cho dân làng. Tuy nhiên, linh hồn của gà đen tượng trưng cho con đại bàng, biểu tượng cho sự dũng mãnh, uy nghiêm, khắc chế tà khí, xua đuổi vận rủi. Tương tự, chó đen cũng tượng trưng cho thế lực trấn áp ma quỷ. Chính vì vậy, trong nghi thức cúng đuổi bệnh dịch và đuổi ma quỷ, người Brâu thường cúng bằng gà đen và chó đen (Phỏng vấn thầy cúng Thao L.). Trâu là lễ vật quan trọng dâng cúng các vị thần. Theo quan niệm của người Brâu, con trâu có linh hồn như con người nên trong nghi lễ cúng trâu, người Brâu đều bịt mắt và “làm phép” trước khi mổ vì sợ linh hồn trâu sẽ về làm hại. Trước khi đâm trâu, người Brâu còn có bài khốc thương trâu.

- *Giấc mơ và các kiêng kỵ*

+ *Giấc mơ*: Với người Brâu, một tộc người ngay ở thời hiện tại còn giữ niềm tin vững chắc vào cúng, kiêng thì giấc mơ vô cùng quan trọng với họ. Trước khi làm bất cứ công việc cá nhân hay tập thể nào, người Brâu thường phải xem ý thần linh qua những giấc mơ rồi mới quyết định hành động trong thực tại. Người Brâu tin rằng, các vị thần thông linh với con người và thường về báo mộng cho con người thông qua các giấc mơ. Được giấc mơ đẹp, tức thần đã thuận, khi ấy công việc ở đời thực mới được quyết định tiến hành. Có cả một kho tàng kinh nghiệm đoán giấc mơ được người Brâu đúc kết theo thời gian. Mơ bắt được vàng, đi đãi vàng hoặc mảnh vải đỏ là điềm chết đuối⁵, mơ thấy rơi xuống thác nước đỏ là điềm

⁴ Khi làm lễ, người Brâu không bao giờ gọi là cho chiêng ăn hay đánh chiêng mà gọi là “mời Tha ăn, mời Tha nói”. Khi cho Tha ăn, người ta xoa máu vật hiến tế lên lòng chiêng, rồi lấy rượu ở các ghè rượu cúng cho Tha uống.

⁵ *Kếtbriêng* (chết xấu) - Chết đuối, một cái chết rất đáng sợ với Brâu, chết chỗ nào chôn chỗ ấy, không làm hòm, không được mang về làng. Khi chết đuối không có ai làm đám ma, chỉ vài ba người già đi chôn. Vải hình thức chết xấu khác: Chết khi sinh con, chết chỗ nào chôn chỗ đó. Nên đối với những cái chết xấu, nếu diễn ra trong làng thì họ sẽ bỏ cả nhà (đốt luôn) và bỏ làng luôn, tìm làng mới. Làng Brâu xưa cũng có lần từng chuyển làng vì trong làng có nh

xấu của bệnh tật, mơ giết gà sẽ có người chết,... Trái lại, mơ thấy nước trong, bãi cát vàng khi chọn đất lập làng, làm nhà hoặc phát rẫy là tốt đẹp, hứa hẹn được mùa. Mơ thấy bắt được cá là có tiền bạc, quăng chài được cá là được lúa,... Những giấc mơ đẹp báo hiệu ở mảnh đất mới dân làng sẽ có sức khỏe tốt, đời sống ấm no, hạnh phúc. Khi gặp giấc mơ xấu thì họ sẽ tiếp tục đi tìm vùng đất mới để lập làng hoặc làm nhà. Giấc mơ quyết định thực tại, thậm chí biến đổi thực tại mà theo cái nhìn bên ngoài khó có thể lý giải được.

+ *Kiêng kỵ*: Baird (2008, tr. 123-135) đã chỉ ra có 5 loại cấm kỵ của người Brâu, gồm: (1) “*Da-ah*”: được sử dụng khi ai đó phá vỡ quy ước xã hội, có hoặc không có chủ đích (vô tình) như việc vào một ngôi làng đang tiến hành nghi lễ vật linh sẽ được coi là “*da-ah*”; (2) “*Kun trung*”: là một loại cấm kỵ không gian ngắn hạn cụ thể, xảy ra sau khi những lễ hiến tế quan trọng đã hoàn thành. Ví dụ, sau lễ hiến tế hàng năm của một ngôi làng, việc tiếp cận ngôi làng sẽ bị hạn chế đối với những người bên ngoài cộng đồng; hay việc người dân không được rời khỏi làng trong thời gian quy định sau nghi lễ; hoặc làm những việc khác trong thời gian này cũng là điều cấm kỵ. Các cổng làng sẽ bị đóng và những cây gậy cấm kỵ (*'ka chooay'*) được dựng lên ở giữa tất cả các con đường chính dẫn vào làng để cảnh báo người lạ không được vào; (3) “*Gumbrung*”: là những điều cấm kỵ lâu đời của cá nhân, gia đình hoặc cả làng. Chẳng hạn, khi một số cá nhân hoặc hộ gia đình không ăn những loại thực phẩm cụ thể hoặc không cho phép một số loại thực phẩm hoặc vật dụng khác xâm nhập vào “không gian” sinh sống của họ; (4) “*Grung*”: những điều cấm kỵ của *grung* liên quan đến việc không tiêu thụ một loại thực phẩm cụ thể nào trong một khoảng thời gian nhất định, gắn với bệnh tật, sinh nở; (5) “*Huntre*”: là điều cấm kỵ liên quan đến một số loại linh hồn nhất định gọi là “*Arak*”. Việc vi phạm *huntre* có thể gây ra bệnh tật và bất hạnh. *Huntre* luôn liên quan đến một số điều cấm kỵ về không gian khác nhau, rất có ý nghĩa đối với cách tổ chức không gian và xã hội của người Brâu. Ví dụ, người Brâu không bao giờ làm đường bộ từ làng mình tới một địa điểm họ đi lại thường xuyên mà có trực đi xuyên qua nhiều làng mạc, ruộng nương của các làng khác. Thay vào đó, họ phải tạo những con đường khác nhau để đi qua các làng đó. Hay việc luân canh nương rẫy phải tuân thủ theo một hướng dọc theo bờ sông hoặc suối cho đến khi chạm tới lãnh thổ của làng. Sau đó, họ băng qua dòng suối và di chuyển theo hướng ngược lại về phía hạ lưu cho đến khi đến được phạm vi lãnh thổ đối diện, rồi lại băng qua điểm bắt đầu và lặp lại quá trình.

Qua nghiên cứu về người Brâu ở Việt Nam cho thấy, họ có chung một số các kiêng kỵ như người Brâu ở Lào và Campuchia, nhất là ở lĩnh vực đời sống sinh hoạt. Cụ thể như sau:

+ *Kiêng kỵ trong canh tác lúa rẫy*: trước khi đi tria lúa, trồng rau, đậu... một ngày, người Brâu kiêng ăn ớt, uống rượu, ăn muối vì sợ bị chim, chuột phá lúa, rẫy. Khi đi vào rừng phát rẫy, nếu thấy tổ của một loài chim có tiếng kêu “*krúc krúc*” vào ban đêm thì người

liều cái chết xấu. Chết xấu luôn là nguồn gốc của tai họa, đây là ứng xử văn hóa khá phổ biến ở nhiều tộc người. Ở Tây Nguyên, cái chết xấu nổi tiếng là vụ tự vẫn của chàng Tieng đẹp trai người Mnông Gar, làng Sak Luk kéo theo biết bao hiểm họa, phiền toái cho dân làng (Condominas, 2008).

Brâu không phát chỗ đó nữa bởi trồng lúa sẽ không lên, chủ rẫy bị đau ốm. Đi tìm đất làm rẫy, nếu thấy dây rừng quấn ngang thân cây thì không được phát chỗ đó nữa, nếu tiếp tục phát sẽ nguy hại đến tính mạng của chủ rẫy.

+ *Kiêng kỵ trong những sinh hoạt tín ngưỡng*: trước đây, trong làng diễn ra lễ hội hoặc nghi lễ cúng trâu thì cổng làng luôn được rào lại, người trong làng không được phép đi ra ngoài làng. Tương tự, người ngoài làng cũng không được phép vào làng trong thời gian này. Đây là luật tục, là cấm kỵ của làng, ai vi phạm sẽ bị phạt vạ bằng trâu, ghè rượu hoặc tiền. Sở dĩ có những kiêng kỵ như vậy bởi đối với người Brâu, lễ cúng trâu là lễ cúng *Yang*. Trong suốt thời gian diễn ra nghi lễ, lễ hội, các vị thần sẽ ở lại, chung vui với dân làng. Vì vậy, nếu ai đó có thái độ không coi trọng, bỏ đi làm việc khác, các vị thần sẽ nổi giận và trừng phạt, làm cho họ ốm đau. Sau khi lễ hội kết thúc, dân làng phải ở nhà làm kiêng trong 3 ngày⁶. Tục kiêng này ảnh hưởng đến nhiều hoạt động chung của thôn, xã, đặc biệt trong bối cảnh người Brâu sống xen cư cùng những tộc người khác. Vì vậy sau nhiều năm chính quyền địa phương xã Pờ Y và bộ đội biên phòng vận động, tuyên truyền, đến nay người Brâu đã bỏ tục kiêng làng trong các sinh hoạt tín ngưỡng, chỉ còn duy trì tục kiêng trong phạm vi gia đình.

Trong nghi lễ cúng trâu chữa bệnh và cúng trâu cầu của cải, cầu may, cách kiêng kỵ của các đối tượng rất khác nhau: (1) Những người không đến tham dự nghi lễ nhưng trong suốt thời gian nghi lễ cúng trâu diễn ra, nhóm này phải ở nhà, không được đi làm các công việc khác cho đến khi nghi lễ kết thúc; (2) Những gia đình tham gia nghi lễ với gia đình chủ lễ, người giúp việc cho gia đình chủ lễ (dựng cây nêu, làm nhà rông tạm, chuẩn bị các món ăn,...), sau khi nghi lễ kết thúc, họ thường về nhà riêng thực hiện kiêng kỵ ít nhất trong 3 ngày; (3) Các thành viên trong gia đình chủ lễ thực hiện kiêng kỵ một cách nghiêm ngặt sau nghi lễ từ vài tuần đến một tháng. Họ không tham gia vào những hoạt động cộng đồng khác, không đi ra ngoài, không mở nhạc âm ỉ trong nhà,...; (4) Đối với thầy cúng thực hành nghi lễ, sau khi nghi lễ kết thúc, họ phải kiêng uống rượu, kiêng ăn thịt trâu, thịt heo trong hai tuần và không được cúng trâu cho gia đình khác trong ba tháng sau đó.

2. Một số nghi lễ của người Brâu

Theo tín ngưỡng vật linh giáo, người Brâu tin rằng thế giới là hữu hình, mọi hiện tượng, sự vật đều có các vị thần ở bên trong. Để sinh tồn phát triển, con người cần giao lưu gắn kết cộng đồng, cùng hướng tới sức mạnh siêu nhiên thông qua hình ảnh các thần linh, bởi vậy các lễ hội của dân tộc Brâu thường mang đậm yếu tố tâm linh. Mặt khác, xuất phát từ tập quán sản xuất nông nghiệp phát nương, làm rẫy theo mùa vụ, cuộc sống sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nên người Brâu rất coi trọng việc cúng thần nông nghiệp để cầu mùa, cầu may. Cũng bởi vậy mà dân tộc Brâu có nhiều lễ hội trong một năm. Một cán bộ công tác tại Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum cho biết: "*Lễ hội của người Brâu một*

⁶ Làm kiêng: chỉ ở trong nhà, không giao lưu với đám đông, không tham gia đám tang, đám cưới, các công việc khác, kể cả của chính quyền địa phương.

năm thường có bốn lễ hội chính, đó là lễ hội vào mùa phát rẫy, lễ hội khi trỉa lúa và vào mùa thu hoạch có lễ hội mừng lúa mới. Cuối năm là lễ hội mừng Tết của người Brâu. Vào những ngày lễ hội, dân trong làng cùng nhau đóng góp mua vật hiến tế, rượu, gạo, thực phẩm..., rồi tổ chức các nghi thức đánh công chiêng, còn già làng thì cúng các vị thần theo truyền thống của dân tộc” (Nam, sinh năm 1978, dân tộc Kinh, cán bộ, tỉnh Kon Tum).

Ngoài các lễ hội theo chu kỳ sản xuất nông nghiệp, những lễ hội mang tính chất khởi đầu cho cái mới ở người Brâu cũng rất quan trọng như lễ nhập làng, lên nhà rông mới,... Bên cạnh các nghi lễ cộng đồng, người Brâu còn tổ chức những nghi lễ theo quy mô gia đình, trong đó phải kể đến lễ cúng chữa bệnh, lễ cầu may,...

- *Lễ nhập làng, lên nhà rông mới:*

+ Nghi lễ chọn đất: Tìm đất dựng làng và tổ chức lễ nhập làng là hai nghi lễ quan trọng nhất của người Brâu bởi nó gắn với vận mệnh của làng, của dân tộc Brâu và của mỗi thành viên trong làng. Nghi thức tìm đất dựng làng và tổ chức nghi lễ nhập làng được diễn ra trong những trường hợp cụ thể sau đây:

Thứ nhất, khi còn sống ở trong rừng, người Brâu chủ yếu canh tác nương rẫy, đánh cá và săn bắt. Khi vùng đất canh tác hết khả năng khai thác, dân làng du canh đến một vùng đất mới. Nếu đất canh tác mới gần ngôi làng cũ thì làng mạc vẫn giữ nguyên ở chỗ cũ. Trong trường hợp đất canh tác quá xa chỗ ở, họ phải di chuyển làng đến gần nơi canh tác mới để tiện cho việc sản xuất và sinh hoạt.

Thứ hai, trong quá trình sinh sống, nếu xảy ra thiên tai, hỏa hoạn hay những trận dịch bệnh ảnh hưởng đến nhiều người trong làng, người Brâu cho rằng khu đất đang ở đã phạm phải điều cấm kỵ, vì vậy già làng thường kêu gọi người dân di dời đến vùng đất khác để lập làng mới. Theo các bậc cao niên trong làng, từ năm 1975 về lại xã Pờ Y cư trú, người Brâu trải qua 11 lần di chuyển làng, đặc biệt họ đã trải qua 2 cuộc cháy làng lớn vào năm 1982 và năm 1991. Sau những lần như vậy, già làng cùng với một số người có uy tín, thanh niên đi tìm khu đất khác để dựng làng mới. Mỗi lần như vậy họ đều tổ chức nghi thức nhập làng.

+ Nghi thức chọn đất lập làng: Già làng và nhóm người đại diện đi tìm chỗ đất mới bằng phẳng, có sông hoặc suối, đất sản xuất tốt thì làm nhà chòi tạm, sau đó làm lễ cúng *Yang*. Lễ vật gồm có gà trống, ghè rượu, một chén sợi thuốc lá khô. Người ta cắt tiết gà trống cho chảy xuống vùng đất trung tâm của khu đất, là chỗ sau này sẽ dựng nhà rông, máu gà sẽ trộn chung với đất. Thầy cúng bắt đầu làm lễ, đọc lời cầu xin các vị thần cho dân làng đến vùng đất mới sinh sống có sức khỏe tốt và cuộc sống no đủ, cây lúa phát triển tốt tươi, săn bắt được nhiều thú rừng và cá lớn. Sau đó nhóm người đi tìm đất dựng tạm một túp lều và ngủ qua đêm, dựa vào giấc mơ báo mộng để xem vùng đất này có tốt không. Sáng hôm sau, khi mọi người tỉnh dậy, già làng hỏi về giấc mơ của các thành viên. Nếu mơ thấy suối nước trong, đồng lúa vàng..., thì đó là điềm tốt, các vị thần núi, thần sông, thần lúa sẽ phù hộ cho

dân làng, không có ốm đau, bệnh dịch xảy ra.

Sau khi chọn đất xong, họ quay về nơi ở cũ, kêu gọi dân làng tiến hành di dời đến khu đất mới. Già làng chỉ đạo các gia đình làm nhà xung quanh khu đất trống (là nơi sẽ dựng nhà rông). Khi ổn định chỗ ở, già làng huy động những người có kinh nghiệm đi tìm những khu rừng đẹp, đất tốt để phát rẫy. Sau đó, dân làng tập trung làm nhà rông.

+ Nghi lễ nhập làng: Già làng huy động những nam giới có sức khỏe đi chặt cây, nữ giới đi cắt cỏ gianh đan thành tấm lợp nhà rông. Sau một tháng chuẩn bị, cả làng tiến hành dựng nhà rông. Nhà rông dựng xong, nghi lễ nhập làng, lên nhà rông mới sẽ được tiến hành dưới sự điều hành của già làng. Các hộ gia đình tự nguyện quyên góp mỗi gia đình một ghè rượu, vài bơ gạo, mấy ống com lam, thanh niên đi vào rừng chặt mây đẵn, kiếm rau rừng, bắt cá, những người khác thì đi mua trâu, heo, gà về để tổ chức lễ khánh thành nhà rông, nhập làng mới.

Lễ vật dâng cúng các vị thần trong nghi lễ nhập làng, lên nhà rông mới gồm: 1 con trâu, 1 con heo, 3 con gà, 1 chén sợi thuốc lá khô, rượu ghè. Trâu, heo, gà được giết thịt ở sân nhà rông. Già làng lấy máu 3 con vật đó bôi vào cột hai bên cửa ra vào của nhà rông. Đầu trâu được bóc lấy thịt, 2 sừng trâu và hàm trâu treo lên 2 cột của nhà rông. Các phần thịt của trâu, heo và gà nguyên con được bày trên một cái mâm để cúng các vị thần. Máu của 3 con vật dâng cúng được bôi cho chiêng Tha ăn và cho chiêng Tha uống rượu ghè. Sau đó, già làng thực hành nghi lễ, kêu gọi các vị thần về làng, cùng nhau tụ họp, ăn mừng và phù hộ cho toàn thể dân làng. Cúng xong, cả làng ăn mừng trong 2 ngày. Đến ngày thứ 3, người ta đóng cổng làng để làm kiêng, dân làng ai nấy về nhà riêng để làm kiêng. Từ thời điểm đóng cổng làng, người làng không được đi ra ngoài, người bên ngoài không được phép vào làng (Phòng văn thầy cúng Thao L.).

- *Lễ cầu may:*

Người Brâu tin rằng, các *Yang* chi phối con người, luôn theo dõi và giúp đỡ họ. Khi nhận được sự giúp đỡ, che chở thì họ phải làm lễ cúng trâu trả ơn, cảm tạ các *Yang*. Thời điểm để trả nợ có thể chủ động hoặc khi nhận được báo mộng qua giấc mơ. Cụ thể, vào tháng 8/2023 khi chúng tôi triển khai nghiên cứu thực địa tại làng Đắc Mé, được biết về câu chuyện gia đình A. M. sắp tổ chức đâm trâu để cúng tạ ơn các *Yang*, cầu may mắn, giàu sang cho gia đình trong thời gian tiếp theo. A. M. kể rằng, trong giấc mơ, thấy các *Yang* cho mình đồ đặc (của cải) và thấy có 3 cái cột dựng đứng song song, có một thanh gỗ gác ngang qua (giống cột gung trâu). Các thầy bói và thầy cúng trong làng sau khi được nghe A. M. kể về giấc mơ của mình đều giải mã rằng, *Yang* nhắc nhở gia đình A. M. phải làm lễ đâm trâu. Bên cạnh cầu may, người Brâu còn cầu con trong trường hợp đôi trẻ lấy nhau lâu ngày không có con.

Để chuẩn bị nghi lễ cầu may, cầu con, gia chủ phải dựng “bàn thờ” gỗ 2 tầng (không có cây nêu) vào lúc 4 giờ sáng ở trước sân nhà. Ngoài ra, gia chủ còn phải chuẩn bị khoảng

10 ghè rượu, 1 con trâu⁷, 1 con heo, 3 con gà, kinh phí hết khoảng 20 triệu. Với sự giúp đỡ của 5 người, công tác chuẩn bị sẽ mất khoảng 1 tuần. Ở nghi lễ này, khi đâm trâu người ta không chặt chân trâu như ở lễ cúng chữa bệnh. Trâu được buộc vào cột *gung*, sau đó người ta lấy dây thừng buộc vào 2 chân sau của trâu rồi giật cho nó ngã xuống và cắt tiết, sau đó, trâu được mang đi mổ. Lễ cầu may, cầu con được thực hiện trong hai ngày. Ngày thứ nhất, người ta cúng thịt trâu, gan trâu, lòng trâu (thức ăn được bày lên cái mâm gọi là *Ktô*⁸). Đầu trâu được đặt lên “bàn thờ” gỗ trước cửa nhà. Ngày thứ hai cúng đầu và đuôi trâu. Sau khi đầu trâu được bóc thịt để chế biến các món ăn làm cúng, chủ nhà để hàm trâu lên bàn thờ gỗ. Thầy cúng cầm óc trâu làm hành động ban phát cho những thành viên gia đình có nguyện vọng cầu con, cầu may mắn. Sau những nghi thức cúng, các thành viên trong buổi lễ tổ chức ăn uống, đánh công chiêng và múa hát.

- Lễ cúng chữa bệnh (cúng Hà noi).

Người Brâu quan niệm con người được các *Yang* phù hộ, nhưng do sơ suất chưa cúng tạ ơn nên khi bị *Yang* làm cho ốm nặng, phải cúng trâu để trả nợ *Yang*, cầu cho người ốm khỏi bệnh. Khi gia đình có người bị ốm nặng, đi chữa trị ở nhiều nơi trong thời gian dài nhưng không khỏi, đi xem bói để tìm ra nguyên nhân gây bệnh, nếu thầy bói cho rằng *Yang* đòi con trâu thì gia đình phải thực hiện lễ cúng với vật hiến tế là con trâu mới mong khỏi bệnh.

Vào tháng 8/2023, gia đình A S. ở làng Đắc Mé vừa thực hiện xong lễ cúng chữa bệnh cho vợ và nhà đang đóng cửa làm kiêng. Những người hàng xóm cho biết, vợ A S. đang khỏe mạnh, bỗng nhiên đứng nấu cơm trong bếp thì bị ngã, méo miệng, cứng người. Sau đó, người bệnh được chuyển lên trạm y tế xã và tiếp đến bệnh viện huyện Ngọc Hồi. Tại đây các bác sĩ kết luận vợ anh S bị tai biến và điều trị một thời gian nhưng không khỏi. Sau khi đi bệnh viện 2 lần nhưng bệnh tình không thuyên giảm, ăn uống kém, cơ thể suy nhược. A S. đi xem bói và theo hướng dẫn của các thầy bói, thầy cúng đã làm lễ cúng tới gần chục lần (cúng *Yang Đắc*, các loại ma) bằng gà, heo nhưng không khỏi. Tình trạng của vợ anh ngày càng nặng, tiên lượng xấu. Theo phong tục của người Brâu và phán quyết của các thầy bói, thầy cúng, gia đình A S. cần phải làm lễ đâm trâu để xin *Yang* ban cho cơ hội khỏi bệnh. Thầy cúng A O. cho biết, việc tổ chức đâm trâu là để trả lại cho *Yang*, còn gọi là “cúng tại số” nên phải làm cây nêu cao. Trong khi cúng, phải đánh chiêng, trống để mời *Yang* ra khỏi nhà và giúp người nhà khỏi bệnh. Thầy cúng giải thích thêm, trước đó, *Yang* ban cho nhà A S. được nhiều của cải, tuy nhiên gia đình anh không cúng tạ ơn, không kiêng, vì thế *Yang* làm cho người nhà đau ốm. Do đó nhà anh phải làm lễ cúng này để người nhà được khỏi bệnh.

Biểu tượng trong lễ cúng chữa bệnh là cây nêu, nơi cột trâu tế thần, được làm từ cây lồ ô cao vút lên như một chiếc cột thông thiên hướng lên Trời và những đoạn cây Plang

⁷ Một con trâu năm 2023 giá khoảng 13-15 triệu đồng.

⁸ Trước năm 1991, khi còn ở trong rừng, *Ktô* của người Brâu được làm bằng gỗ.

trồng cạnh chiếc cột đỡ⁹. Chỉ những người nhận lời tham gia phục vụ nghi lễ ngay từ đầu mới được dựng cây nêu. Gia đình tổ chức đâm trâu sẽ chuẩn bị 1 con trâu, 1 con heo, 3 con gà, 3 ghè rượu¹⁰, ống nứa để nấu cơm lam, cử người đi chặt lò ô, một số đoạn *Plang*, dây mây, nấu rượu, dựng nhà rông tạm bên ngoài nhà người ỏm (nơi thầy cúng ngồi làm lễ),... Công tác chuẩn bị nếu đông người giúp đỡ (khoảng hơn chục người) thì trong khoảng 3 ngày là xong, nếu ít người thì mất 6-10 ngày. Trong nghi lễ cúng trâu của nhà A S. có 5 hộ khác tham gia phục vụ, lễ cúng diễn ra khoảng hơn 10 ngày. Công việc chuẩn bị nghi lễ phân công theo giới tính: Đàn ông đi chặt cây lò ô, cây plang, đàn bà ở nhà nấu cơm, làm rượu ghè,... Việc chặt cây để dựng cây nêu cũng mất nhiều công sức bởi hiện nay rừng đã lùi xa khu dân cư (Phỏng vấn thầy bói A Nh., thầy cúng A Â.).

Cây nêu cúng chữa bệnh thường được dựng vào lúc 15 giờ chiều trước cửa nhà người ỏm, chủ lễ dắt con trâu buộc vào cột nêu. Vì quan niệm trâu cũng có linh hồn nên người ta phải *làm lễ cúng thần trâu vào nêu* ngay trong chiều hôm đó. Lễ vật gồm 2 con gà, 3 ghè rượu. Đội đánh chiêng goong đi vòng quanh cây nêu. Cũng trong đêm đầu tiên của nghi lễ, vào lúc 12 giờ đêm, đoàn đánh chiêng goong đi thu lễ vật của các gia đình tham gia làm cúng với gia đình chủ lễ (gồm gà và rượu). Trong lễ cúng trâu nhà A S. có 5 gia đình tham gia. Đêm đó, cả làng tung bừng, náo nhiệt vì tiếng chiêng, trống, ánh sáng của những bó đuốc nứa. Sau khi thu xong lễ vật ở 5 hộ gia đình tham gia làm cúng, họ đem về nhà chủ lễ và tổ chức ăn uống cho đến rạng sáng. Sáng hôm sau, lễ cúng chính thức được bắt đầu:

Ngày thứ nhất người ta dùng gan trâu, gan heo và gà để cúng: từ 5 giờ sáng, gia chủ chuẩn bị 1 con heo, 3 con gà, 3 ghè rượu để ở nhà rông tạm. Thầy cúng làm lễ xin *Yang* được bắt đầu làm lễ cúng, thầy bước ra làm phép hiến tế trâu, lấy cây nhang được làm từ sấp ong, đốt hai sừng trâu và giữa đầu trâu, tay thầy cầm dây trâu thực hiện động tác dâng trâu. Dưới sự hướng dẫn của thầy cúng, gia đình chủ lễ và các gia đình tham gia, mỗi gia đình cử một người đại diện lần lượt cầm dây cột trâu để diễn đạt lại động tác dâng trâu cho *Yang*. Sau đó, gia đình chủ lễ lại cầm dây trâu lần cuối cùng và mã tấu (thật) dâng trâu cho các *Yang*. Trong lúc đó, thầy cúng lấy nước từ ống lò ô liên tục đổ nước và xoa lên đầu trâu, đồng thời lấy mã tấu (làm bằng lò ô) làm phép chém trâu và gọi các *Yang* về thụ hưởng. Nội dung lời cúng như sau: “*Các Yang ơi về phù hộ cho con hết ốm đau, ăn cơm ngon, canh ngon cho mập, cho béo*”. Sau đó, thầy cúng lấy túi đựng những hòn đá thần đã bôi máu gà, heo, làm phép đập nhẹ vào đầu trâu 7 lần (bởi người ta sợ thần con trâu làm hại những người tham gia nghi lễ), rồi cho phép những thanh niên có sức khỏe vào đâm trâu. Họ chém vào hai chân sau của trâu rồi đến hai chân trước và thân trâu. Khi máu trâu tuôn ra, thầy cúng lấy máu bôi lên chỗ cây nêu. Trâu ngã xuống, người ta đem trâu đi mổ, đầu trâu sẽ được treo lên cây nêu.

⁹ Cây Plang, loại cây đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên. Cây Plang thuộc họ gạo, còn được biết với nhiều cái tên khác nhau như cây hoa gạo, cây hoa mộc miên.

¹⁰ Ba ghè rượu để cúng cho 3 vị thần Trời, Đất, Nước theo đúng phong tục của người Brâu.

Làm xong thịt trâu, đoàn đánh chiêng, trống cùng gia đình chủ lễ, và các thành viên tham gia nghi lễ cùng nhau ra nhà rông tạm và tiếp tục đi ra phía con suối H'Niêng cạnh làng. Trước đây, suối H'Niêng còn nước và không bị ô nhiễm, họ cùng nhau lội xuống tắm rửa, người ốm đứng trên bờ được người nhà hắt nước lên người cho ướt sũng. Hiện nay, suối H'Niêng bị ô nhiễm nặng do đãi vàng và cặn nước nên họ đến kênh thủy lợi phía cuối làng để thực hiện nghi thức này. Việc tắm có ý nghĩa tượng trưng xua đuổi bệnh tật và gột rửa những điều xui xẻo. Sau khi tắm xong, cả đoàn về nhà chủ lễ thay quần áo. Đoàn đánh chiêng tiếp tục đánh từ nhà ở của người ốm ra ngoài nhà rông tạm và bắt đầu làm lễ. Lễ vật dâng cúng gồm gan trâu, gan heo, 3 con gà, mã tấu, được bày chung vào một cái mâm và 3 ghè rượu để bên cạnh. Sau khi cúng các vị thần xong, thầy cúng lấy gan trâu lần lượt dứt cho người ốm, người nhà chủ lễ và các thành viên tham gia ăn, uống rượu ghè. Buổi trưa, đại diện mỗi hộ dân Brâu trong làng cùng tham gia bữa liên hoan với gia đình chủ lễ, khi tham gia mỗi hộ đều mang theo phong bì tiền đưa cho gia đình chủ lễ với ý nghĩa chia sẻ, động viên và mong người bệnh mau khỏi.

Ngày thứ hai, cúng bằng đầu trâu: bắt đầu từ 5 giờ sáng, người ta đánh chiêng goong xung quanh cây nêu 3 vòng rồi hú. Sau đó, họ lấy con dao chặt đầu trâu treo trên cây nêu rơi xuống đất và lấy 3 ghè rượu mới ra để tiếp tục làm cúng. Đầu trâu được mang đi nướng, lấy óc cúng, sau đó cho người ốm ăn trước, rồi đến các thành viên trong gia đình người ốm, sau đó mới đến các thành viên của các gia đình tham gia. Khi thầy cúng dứt óc cho từng người, mỗi người 7 lần kèm theo những lời khẩn mong các Yang phù hộ cho người ốm chóng khỏi bệnh. Người ta lấy sừng trâu khoan lỗ để lấy nước đổ vào các ghè rượu (mỗi ghè 3 sừng trâu đựng nước) để thầy cúng và những người tham gia buổi lễ cùng uống. Đến tối thì mọi người nghỉ ngơi.

Ngày thứ ba cúng bằng chân trâu: Khi những người phục vụ trong đám lễ nấu nướng chế biến xong món ăn từ chân trâu, thầy cúng đọc bài cúng: *“Nhur vậy là các Yang đã ăn hết con trâu rồi. Các Yang đã ăn máu trâu, gan trâu, thân trâu và chân trâu rồi. Các Yang đã thỏa mãn rồi. Người ốm đã trả hết nợ xong cho các Yang. Từ này trở đi, các Yang đừng theo dõi người ốm nữa, đừng ở nhà người ốm nữa, hãy làm cho người ốm hết bệnh, con cháu được khỏe mạnh”*. Sau đó, thầy cúng dứt cho người ốm ăn ở nhà rông tạm, các gia đình tham gia nghi lễ lần lượt uống rượu bằng móng trâu¹¹. Đây là buổi cuối nên những người tham gia buổi lễ phải ăn hết thịt trâu và uống hết số ghè rượu đã có ở nhà chủ lễ.

Sau khi nghi lễ kết thúc, thầy cúng lấy hai tấm vải đỏ buộc lên đầu hai vợ chồng người bệnh và dặn dò các kiêng kỵ. Chủ lễ đóng cửa nhà làm kiêng 1 tháng, không giao tiếp với ai, không cho người lạ vào nhà. Trong khi đó, thầy cúng, đoàn giúp việc và những người tham gia làm cúng trâu thực hiện kiêng 3 ngày 3 đêm ở nhà chủ lễ. Sau 3 ngày, họ mới về nhà riêng của mình. Cây nêu trong lễ cúng chữa bệnh được để ở đó cho đến khi cây tự mục

¹¹ Người ta lột móng trâu cẩn thận để lấy móng uống rượu.

ruồng. Nếu chẳng may cây nêu đổ trúng vào nhà nào xung quanh thì chủ nhà bị cây đổ vào sẽ phạt chủ nêu một số lễ vật như heo hay gà.

- Một số lễ cúng khác:

+ Lễ cúng Bò púc (cúng các ma bằng cây nứa). Cúng Bò púc gồm các cách cúng sau:

Cúng đuổi ma nhập vào người ốm (*Sook rook song cà dục*)

Người Brâu quan niệm, người bị ốm yếu, gầy còm là do bị ma nhập nên phải làm lễ cúng đuổi ma ra khỏi người ốm. Ma này có thể là ma chết đường chết chợ (*Kết mì mì*), ma chết xấu (*Kết briêng*). Người yếu bóng vía khi đi đường thường bị loại ma này nhập vào người. Thầy cúng và người thân trong gia đình của người ốm lấy đoạn tre có đầu chẻ dọc ra như nắp hom giỏ hướng lên trời, mang ra bãi đất trống trong làng cắm xuống đất rồi đặt lễ vật lên để cúng¹². Lễ vật cúng gồm có: 1 ghè rượu, 1 con gà, nhưng người ta chỉ lấy 1 ngón chân gà, ruột gà, ít cánh gà còn nguyên lông (tất cả còn sống), khúc mía, quả chuối. Thầy cúng thực hiện các nghi thức cúng đuổi ma trong người ốm đi. Sau đó thầy cúng về nhà người ốm cúng cho người ốm khỏi bệnh. Người ốm kiêng không được ra vị trí cúng đó một ngày (Phỏng vấn A S.).

Cúng gọi hồn người ốm về (*Bờm Sook rook*)

Theo người Brâu, mỗi người đều có linh hồn và thể xác. Dù là hai thực thể khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau. Khi hồn rời khỏi xác vĩnh viễn nghĩa là người đã chết. Tuy nhiên, linh hồn có tính độc lập, thích rong chơi nên đôi lúc bị lạc, không biết lối về, những lúc đó người ốm yếu không có sức sống. Vì thế, người nhà phải làm cúng để gọi hồn về. “Bàn thờ” trong lễ cúng để gọi hồn về cũng là một đoạn lồ ô cắm xuống đất, trên phía ngọn chẻ hình hom giỏ và có đoạn tre làm các bậc thang bắc từ dưới lên trên.

Cúng gọi hồn mình trở về (*Brăk Can Thônng*)

Đây là hình thức cúng gọi hồn về bằng bàn thờ gỗ nhưng cán bên dưới được làm bằng tre, đồng thời có đoạn tre làm bậc thang bắc lên bàn thờ. Lễ vật gồm có heo, gà (lấy ít gan, ruột, thịt, tai heo, chân gà, hàm heo), gạo, sợi thuốc lá khô được đựng trong 3 đoạn ống tre (củ gừng để ở dưới chân cầu thang, có 2 cái que để cắm củ gừng, bỏ 2 cục đá hai bên). Người ốm, thầy cúng và các thành viên trong gia đình mang “bàn thờ” ra bãi đất trống gần nhà để cúng. Thầy cúng dùng tiết các con vật bôi xung quanh bàn thờ gỗ, khẩn xin *Yang* về thụ hưởng lễ vật và xin cho người ốm khỏe trở lại. Sau khi cúng xong, lễ vật và hòn đá sẽ được bọc lại vào tấm vải nhỏ đem về nhà, thầy cúng dùng nó gõ nhẹ lên đầu người ốm với hàm ý gọi hồn người ốm trở về.

+ Cúng thần Nước (*A Răk Đac*)

¹² “Bàn thờ” cúng đuổi ma nhập vào người làm ốm không có cầu thang nhỏ bắc từ đất lên trên nơi đặt lễ vật.

Cúng *A Răk Đac* bằng gà: Sau khi xem bói cho người ốm, xem ra nguyên nhân gây ốm là *A Răk Đac* thì thầy cúng cùng người ốm và gia đình đi ra sông, suối xác định vị trí người ốm đã tắm hoặc lội qua - nơi được cho rằng người ốm đã bị *A Răk Đac* lấy mất hồn. Để khỏi ốm, gia đình phải hiến 1 con gà trống làm lễ cúng chuộc hồn về. Thầy cúng mang theo 2 que tre, chỗ cắm que được xác định như sau: lấy củ gừng, dùng dao cắt gừng, sau đó lật miếng gừng vừa cắt ra, gừng rơi chỗ nào thì cắm 2 que chỗ đó. Thầy cúng dùng máu gà bôi vào 2 que tre. Que tre thứ nhất đặt 2 hòn đá nhỏ xuống phía dưới, lấy lá rừng khô vo tròn rồi đặt lên trên, sau đó lấy gạo vãi xung quanh để gọi kiến đến; que tre thứ hai đặt sợi thuốc lá. Khi kiến tha gạo về tổ, thầy cúng lấy tổ kiến về nhà để lên đầu người ốm rồi cúng. Sau đó, anh em trong gia đình cùng thụ lộc. Hàm con gà được dùng để xem bói, nếu hàm gà cụp xuống thì phải tiếp tục cúng, nếu hàm gà thẳng, người ốm sẽ đỡ. Người ốm phải kiêng 1 ngày không tắm, không được ra chỗ cúng 1 tháng.

Cúng *A Răk Đac* bằng bê nứa và heo: Lễ vật gồm 1 con heo, 1 con gà, 1 chén thuốc, 1 ghè rượu, 1 chiếc bê nhỏ được đan bằng lồ ô. Người ta lấy 3 đoạn ống lồ ô dựng thức ăn gồm gan gà, gan heo, lòng sống của heo, lòng sống của gà, tai heo, hàm heo và quần áo cũ của người ốm. Chuẩn bị xong thầy cúng cùng người ốm ra sông, suối tiến hành lễ cúng. Sau khi cúng xong, thầy cúng thả bê trôi theo sông, suối. Sau đó, thầy cúng và người ốm trở về nhà làm kiêng, mời hàng xóm đến ăn thịt heo, gà và uống rượu ghè.

+ *Cúng ma người chết ngoài nghĩa địa (Mường K dục)*

Theo người Brâu, người thân sau khi mất thường nhập vào các thành viên gia đình, gây ra đau ốm, khi đó gia đình phải tới nghĩa địa làm lễ cúng để giải con ma ra khỏi người ốm. Khi cúng ma nghĩa địa, chủ nhà thường mời cả làng tham gia. Lễ cúng tiến hành chỉ có người nhà của người ốm và thầy cúng ra mộ, còn người ốm phải ở nhà. Lễ cúng này tương tự như khi đưa tang người chết, đội cồng chiêng của làng và đội múa xoang tham gia múa xung quanh mộ người chết. Thời gian cúng là 1 ngày, 1 đêm. Trong lễ cúng này, người nhà lấy dao phát quang cỏ dại ở mộ người chết, phát cỏ xong, thầy cúng lấy dao đào 1 lỗ dưới đất với kích thước vừa bằng cái chậu, sau đó thầy đặt 1 cái chậu nhỏ đựng rượu xuống đó, thêm thuốc lá sợi, quả chuối, khúc mía cạnh đó. Khi cúng, thầy cúng khấn ma đừng về làm hại người nhà. Sau đó thầy cắt máu gà, máu heo chảy xuống dưới chậu rượu. Về nhà, thầy tiếp tục cúng cho người ốm. Khi thức ăn được chế biến từ lợn, gà đem lên, thầy cúng gọi tên người mất (lúc này người ốm cầm vôi rượu lên với ý nghĩa dâng cho người mất). Sau khi cúng xong, các thành viên trong gia đình thụ lộc.

+ *Lễ cúng đuổi bệnh dịch*

Vào tháng 7 hàng năm, thời tiết mưa liên tục khiến nhiều bệnh dịch xuất hiện ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe cộng đồng, khi đó già làng sẽ làm lễ cúng tổng tiễn bệnh dịch. Để tiến hành lễ cúng, trước hết người ta làm cổng chào bằng cây bên ngoài lối đi vào làng. Dân làng đan 2 cái đó cá, 2 cái giỏ cua, bỏ ngay ở chỗ cổng chào (một loại to, một loại nhỏ)

đề đều hai bên công. Một *quả mắt táy*¹³ được treo ở cổng chào. Lễ vật cúng đuổi bệnh dịch gồm có: chó, gà, heo. Già làng lấy máu các con vật để bôi lên cổng chào, sau đó đi về nhà rông thực hiện nghi thức cúng. Người ta lấy đùi heo, gan chó, gan heo, gan gà và thịt chó để cúng. Già làng khấn các *Yang* về tổng tiền bệnh tật, sau đó, cả làng thụ lộc. Cúng bệnh dịch dân làng chỉ đánh chiêng Tha, không đánh chiêng Goong (Phòng vấn Thầy cúng Thao L.).

3. Một số nhận xét về nghi lễ của người Brâu

Tín ngưỡng của người Brâu là tín ngưỡng “vạn vật hữu linh”, mang đậm bản sắc của các tộc người vùng cao nguyên, biểu hiện thông qua các nghi lễ, lễ hội trong hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân. Phần lớn các nghi lễ của họ đều gắn với các vị thần, linh hồn trong tự nhiên, thể hiện sự kết nối mạnh mẽ với các đấng siêu nhiên. Nếu đem so sánh với tín ngưỡng của các tộc người ở đồng bằng (người Kinh, Hoa), hoặc một số tộc người ở miền núi phía Bắc (người Hmông, Dao) cho thấy, tuy cùng theo thuyết vật linh, nhưng người Kinh, Hoa, Hmông, Dao đều đặt trọng tâm vào tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên (gia đình, dòng họ, làng bản). Đặc biệt, người Hmông cúng trâu bò cho bố mẹ khi làm tang ma (ma tươi và ma khô). Trong khi đó, người Brâu và các tộc người khác ở Tây Nguyên đặt trọng tâm vào đối tượng thờ cúng là các vị thần trong tự nhiên, việc thờ cúng ma nhà, ông bà tổ tiên chỉ diễn ra vào lúc bị đau ốm.

Đối tượng thờ cúng của người Brâu chủ yếu là các vị thần và các ma. Tuy nhiên, phần lớn trong số đó là các linh hồn gây hại cho con người (ốm đau, bệnh tật). Con người luôn phải đối xử một cách thận trọng, tôn trọng, luôn phải xoa dịu họ thông qua các nghi lễ để đảm bảo không gây bất hạnh, bệnh tật hay tử vong cho gia đình, làng bản.

Hệ thống nghi lễ của người Brâu đã khẳng định niềm tin của các thành viên trong gia đình, dòng họ, làng bản vào các vị thần tự nhiên (có khả năng định đoạt số phận của mỗi con người, cộng đồng) mà họ cùng chung nhau thờ cúng. Thông qua nghi lễ, mối quan hệ nhân - quả giữa con người và các vị thần tự nhiên được thể hiện sâu sắc. Đó là cách giáo dục đạo đức tốt nhất về lòng biết ơn, mối quan hệ giữa người cho và người nhận. Về mặt xã hội, các nghi lễ, lễ hội thể hiện sức mạnh đoàn kết của cộng đồng dân tộc Brâu. Khi tham dự nghi lễ, người dân được nuôi dưỡng sự cộng cảm, cộng sinh, cùng nhau đóng góp công sức của mình, cùng thờ một vị thần, cùng ăn chung thịt các con vật hiến tế, uống chung rượu ghè. Đặc biệt, thông qua nghi lễ, sức mạnh, uy tín của những người đứng đầu và giới tinh hoa trong cộng đồng Brâu được khẳng định (các già làng, thầy cúng, thầy bói,...). Sức mạnh của họ có được từ sự kết nối với các vị thần linh. Vì vậy, họ không chỉ là người chủ tế trong các lễ hội, nghi lễ cộng đồng mà còn là những người duy trì trật tự xã hội của chính cộng đồng đó. Theo người Brâu, nếu lễ cúng đâm trâu bị xóa bỏ, có thể sẽ gây ra những hậu quả xấu đối với cộng đồng của họ. Về mặt văn hóa, nghi lễ, lễ hội được duy trì là điều kiện để lưu giữ

¹³ Mắt táy: một loại quả mọc trên núi đá trong rừng Campuchia, Lào, có sức sống bất diệt, người dân để trong nhà nhiều năm vẫn tươi.

các giá trị văn hóa khác của tộc người như: nhạc cụ (chiêng Goong, chiêng Tha...), trang phục dân tộc, các điệu múa xoang,...

Ở mặt bất cập, các nghi lễ, lễ hội của người Brâu gây tổn kém về vật chất cho người dân. Lễ cúng trâu cùng với các nghi lễ khác như cúng gà, cúng lợn đã làm cho kinh tế của các gia đình suy yếu. Theo thầy cúng Th. G., đối với cư dân làm nông nghiệp như người Brâu thì trong một năm, các gia đình thường tiêu tốn hàng chục đến hàng trăm triệu đồng để mua lễ vật cúng thần/ma. Trong đó, cúng trâu không chỉ tốn kém về tiền bạc của một gia đình mà còn của nhiều gia đình trong dòng họ. Bên cạnh đó, các gia đình tham gia phục vụ, giúp đỡ cũng phải dành khá nhiều thời gian cho nghi lễ này. Thời gian kiêng kỵ sau khi nghi lễ kết thúc kéo dài ảnh hưởng không nhỏ tới mọi hoạt động trong đời sống của các hộ gia đình tham gia nghi lễ. Với kinh phí trung bình từ 30 - 60 triệu đồng cho một lễ cúng trâu, nhiều gia đình phải bán ruộng, rẫy hoặc vay mượn để có tiền làm lễ. Cuối cùng, chữa bệnh bằng lễ cúng đâm trâu đôi khi làm mất đi cơ hội sống của người bệnh, sức khỏe nhiều người tham gia nghi lễ bị giảm sút do uống nhiều rượu. A S. nói, chỉ trong 4 ngày cúng chính, nhà anh tiêu thụ hết 50 ghè rượu. Đó là con số rất lớn không chỉ gây tổn hại về sức khỏe mà cả tiền bạc, thời gian. Chính vì vậy, cần phải có những giải pháp để hạn chế những bất cập trên.

Hiện nay, có nhiều nghi lễ, kiêng kỵ của người Brâu mất đi do xã hội đã biến đổi, điều kiện cư trú đã khác trước. Từ năm 1993, sau khi chuyển cư về vùng thấp hơn tại làng Đắc Mé hiện tại, họ đã dần thích ứng với sự thay đổi không gian nơi ở mới, nhà được chia lô bàn cờ, xen cư cùng một số dân tộc khác như Mường, Kinh và nhóm Ca Dong..., theo mô hình nhà cửa và làng của người Kinh. Nhà rộng được bố trí ở đầu làng nên việc kiêng làng hay còn gọi là đóng cửa làng không thực hiện được, thay vào đó, họ chỉ thực hiện kiêng kỵ trong phạm vi hộ gia đình. Tuy nhiên, đối với người Brâu, lễ cúng trâu và các nghi lễ liên quan đến sức khỏe, cầu của cải, cầu may, giải hạn..., vẫn có sức sống trong cộng đồng tộc người.

Kết luận

Tín ngưỡng của người Brâu rất phong phú, thể hiện bản sắc của tộc người vùng cao nguyên. Việc nghiên cứu về tín ngưỡng của một tộc người (thế giới quan, hệ thống thần, ma, các kiêng kỵ, nghi lễ, lễ hội,...) rất quan trọng bởi nó cung cấp sự hiểu biết sâu sắc về niềm tin, suy nghĩ, hành vi, lối sống, nếp sống của các thành viên và cộng đồng.

Người Brâu hiện nay sinh sống tại làng Đắc Mé, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, nằm gần trục Quốc lộ 40, đang trên đà đô thị hóa mạnh của khu vực Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y. Vì vậy, tộc người khó tránh khỏi những tác động làm biến đổi các phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng. Sự phai nhạt niềm tin trong đời sống tín ngưỡng truyền thống tộc người trước bối cảnh hiện đại hóa thực tế là một hệ quả mang tính phổ biến ở nhiều tộc người, đặc biệt là nhóm các tộc người thiểu số. Tuy nhiên, thực tế điền dã tại làng Đắc Mé cho thấy, ẩn sau đời sống vật chất đang được hiện đại hóa bằng sóng di động và các thiết bị nghe nhìn đa phương tiện, nhà cửa theo kiến trúc mới..., người Brâu ở Việt Nam - một tộc người chỉ tập trung trong một làng với hơn 500 người vẫn còn bảo lưu được nhiều thành tố

của tín ngưỡng truyền thống. Đó là một vũ trụ luận ba tầng khá thú vị với hệ thần thoại khởi nguyên đính kèm, trật tự tín ngưỡng nông nghiệp được biết đến khá hoàn chỉnh không hẳn đã mất mà vẫn còn gián đoạn thực hành, khoa đoán mộng tộc người vẫn rất sống động, các hình thức bói toán, cúng ma phong phú, liên tục được thực hiện..., cùng với một nền âm nhạc dân gian còn đất diễn xướng. Có thể nói, người Brâu ở Đăk Mế dù không phủ nhận đã chịu sự biến đổi văn hóa về nhiều mặt nhưng những gì còn lại vẫn cho thấy khả năng kháng cự đáng ngạc nhiên của văn hóa truyền thống tộc người với quá trình hiện đại hóa. Dù những nghi lễ cúng trâu ở người Brâu hiện nay vẫn cần được xem xét, đề xuất giải pháp để giảm thiểu chi phí tốn kém về vật chất, song, xét ở một góc độ nào đó thì việc duy trì thực hành tín ngưỡng này cũng góp phần quan trọng trong bảo tồn bản sắc văn hoá tộc người và là tác nhân kháng thể trước những đạo lạ, đồng thời tăng cường tính gắn kết cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Baird, I. G. (2008), *Various Forms of Colonialism: The Social and Spatial Reorganization of the Brao in Southern Lao and Northeastern Cambodia*, The University of British Columbia.
2. Baird, I. G. (2009), “Identities and Space: The Geographies of Religious Change amongst the Brao in Northeastern Cambodia”, *Anthropos*, No.104 (2), pp. 457-468.
3. Condominas, Georges (Nhiều người dịch) (2008), *Chúng tôi ăn rừng*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Dournes, Jacques (Nguyễn Ngọc dịch) (2018), *Miền đất huyền ảo*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
5. Ironside, J. and Baird, I. G. (2003), *Wilderness and Cultural Landscape: Settlement, Agriculture, and Land and Resource Tenure in and Adjacent to Virachey National Park, Northeast Cambodia*, Biodiversity and Protected Area Management Project (BPAMP), Ratanakiri Province, Cambodia.
6. Nguyễn Thị Ngân, Tô Thị Thu Trang (2009), *Nghiên cứu văn hóa dân tộc Giẻ Triêng, Brâu phục vụ hoạt động Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Thái Nguyên.
7. Bùi Ngọc Quang (2017), “Dân tộc Brâu”, trong Vương Xuân Tình (Chủ biên): *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Ủy ban nhân dân xã Pờ Y (2023). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội dân tộc ít người Brâu trên địa bàn xã Pờ Y*.
9. Viện Dân tộc học (2014, tái bản), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.